

Bình Dương, ngày 22 tháng 11 năm 2019

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 123/2019/ĐKSP

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Bình Dương xác nhận đã nhận
Bản công bố sản phẩm của

Đơn vị: **Công ty Cổ phần Sữa VITADAIRY Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Empire, Số 26 - 28 Hàm Nghi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0983720908

Cho sản phẩm: **SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CHUYÊN BIỆT
CHO NGƯỜI BỆNH THẬN CÓ URE HUYẾT TĂNG NEPRO 1 GOLD**

Do **Nhà máy VITADAIRY Bình Dương**

Địa chỉ: Lô B-1B-CN, KCN Mỹ Phước 3, Phường Chánh Phú Hòa, TX. Bến
Cát, Tỉnh Bình Dương

Sản xuất phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật:

- QCVN 8 – 1: 2011/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8 – 2: 2011/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Chỉ tiêu vi sinh vật phù hợp Quyết định 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế quy định về giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số 31:2019/VITADAIRYBD đính kèm.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp;
- Lưu ĐK;

CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Văn Đạt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 31:2019/VITADAIKY

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIKY VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Empire, Số 26-28 Hàm Nghi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 0983720908

Fax:

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 3702652869

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 000405/2018/ATTP-CNDK

Ngày cấp: 26/06/2018

Nơi cấp: Cục An toàn thực phẩm - BYT

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng chuyên biệt cho người bệnh thận có Ure huyết tăng **Nepro 1 Gold**

(Thuộc nhóm Thực phẩm dinh dưỡng y học)

2. Thành phần:

Đạm sữa, Soy protein, Dầu thực vật, Palatinose (Isomaltulose), Polyols, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Maltodextrin, Fructose, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Canxi, Magie, Sắt, Kẽm, Đồng, Iod, Mangan, Selen, Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B6, Vitamin B12, Axit Pantothenic, Axit Folic, Biotin), Hương sữa và hương vani tổng hợp dùng cho thực phẩm.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem dưới đáy lon/ trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

- **Chất liệu bao bì:** Lon/túi thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ y tế.

- **Quy cách đóng gói:** Khối lượng tịnh:

26g; 28.8g; 29g; 32g; 43g; 46g; 52g;

200g; 250g; 300g; 350g; 360g; 400g;

450g; 500g; 550g; 600g; 650g; 700g;

750g; 800g; 850g; 900g; 950g; 1kg.



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: NHÀ MÁY VITADAIRY BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô B-1B-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Chánh Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Hàm lượng kim loại nặng phù hợp với **QCVN 8-2: 2011/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Độc tố vi nấm phù hợp với **QCVN 8-1: 2011/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Các chỉ tiêu vi sinh vật phù hợp với **QĐ 46/2007/QĐ-BYT**: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số **31:2019/VITADAIRYBD** đính kèm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hà



QUẢN LÝ SẢN PHẨM
Nepro 1 Gold là sản phẩm dinh dưỡng được thiết kế để bổ sung các chất dinh dưỡng cần thiết cho người bệnh suy thận, người bệnh tiểu đường, người bệnh có vấn đề về đường ruột. Sản phẩm có hàm lượng Lactose thấp (1%) nên có thể sử dụng cho người kém dung nạp Lactose. Không sử dụng sản phẩm cho trẻ dưới 2 tuổi.

THÀNH PHẦN
Đạm sữa, Soy protein, Dầu thực vật, Palatinose (Isomaltulose), Polyols, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin, Maltodextrin, Fructose, Hấp Vitamin và Khoáng chất (Canxi, Magie, Sắt, Kẽm, Đồng, Iod, Mangan, Selen, Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B6, Vitamin B12, Acid Pantothenic, Acid Folic, Biotin), Hương sữa và hương vani tổng hợp dùng cho thực phẩm.

BẢO QUẢN
Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon đã mở phải được đóng kín và sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

Số đăng ký sản phẩm:
Ngày sản xuất và hạn sử dụng: Xem dưới đây lon.

VitaDairy
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIRY VIỆT NAM
Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Thương mại Việt Nam
Website: www.vitadairy.vn
Số xuất xứ: **NHÀ MÁY VITADAIRY BÌNH DƯƠNG**
Địa chỉ: Lô B-19-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thành Phú, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Tu viên khách hàng: ...



ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG
Sản phẩm sử dụng cho người cần chế độ ăn Protein thấp, giảm Natri và giàu năng lượng. Người bệnh suy thận, người bệnh thận có ure huyết tăng. Sản phẩm dùng được cho người tiểu đường. Sản phẩm có hàm lượng Lactose thấp (<1%) nên có thể sử dụng cho người kém dung nạp Lactose. Không sử dụng sản phẩm cho trẻ dưới 2 tuổi.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
Pha 3 muỗng gạt Nepro 1 Gold (tương đương 28.8g) với 100ml nước chín ấm (50°C), khuấy đều sẽ được 1 ly khoảng 120ml cung cấp 120kcal. Dùng 5-6 ly mỗi ngày hoặc theo hướng dẫn của cán bộ y tế. Dùng dịch sau khi pha sử dụng hết trong vòng 3 giờ.

Nepro 1 Gold với công thức được thiết kế đặc biệt, đem lại một chế độ dinh dưỡng cân đối, giàu năng lượng. Protein thấp, ít Natri, Kali, Photpho giúp người bệnh nhanh chóng phục hồi thể trạng, giảm nhẹ tiến triển bệnh, ổn định đường huyết, tăng cường sức khỏe.

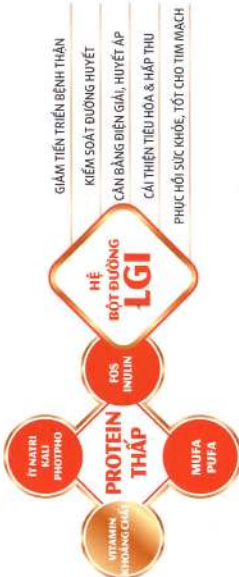
- **GIẢM PROTEIN:** Hàm lượng Protein thấp giúp giảm lượng Ure máu, giảm gánh nặng lên thận, ngăn ngừa tiến triển bệnh thận.
- **ÍT NATRI, KALI, PHOTPHO:** Kiểm soát các yếu tố điện giải, cân bằng huyết áp và thuận lợi trong xây dựng chế độ ăn.
- **Kiểm soát đường huyết:** Hệ bột đường tiên tiến LGS: Palatinose (Isomaltulose), Fructose, Polyols, có chỉ số đường huyết thấp, được hấp thụ từ từ, giúp kiểm soát đường huyết sau khi uống và ổn định đường huyết lâu dài, từ đó giúp kiểm soát đường huyết.
- **HỖ TRỢ TIÊU HÓA:** Đạm sữa, đạm đậu nành; phốt pho đậm đặc hấp thụ, đảm bảo cung cấp nguồn axit amin đa dạng.
- **FOS/INULIN:** Chất xơ hòa tan giúp làm chậm quá trình hấp thụ đường, tăng phát triển của hệ khuẩn đường ruột, tăng miễn dịch và phòng ngừa táo bón.
- **PHỤC HỒI SỨC KHỎE:** Nepro 1 Gold giàu dinh dưỡng, đa dạng Vitamin và khoáng chất giúp mau chóng hồi phục sức khỏe. **VITAMIN A, C** kết hợp với **Kẽm** giúp tăng cường sức đề kháng, giảm mệt mỏi.
- **MUFA, PUFA:** Hệ chất béo không no có tác dụng kiểm soát mỡ máu, giúp giảm nguy cơ các bệnh tim mạch như xơ vữa mạch, huyết áp, giúp tăng cường sức khỏe tim mạch.

Chú ý: Sản phẩm sử dụng cho người bệnh với sự giám sát của nhân viên y tế.



Nepro 1 Gold

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CHUYÊN BIẾT CHO NGƯỜI BỆNH THẬN CÓ URE HUYẾT TĂNG



DÙNG ĐƯỢC CHO NGƯỜI BỆNH ĐÁI THÁO ĐƯỜNG

Thực phẩm dinh dưỡng y học chuyên biệt cho người bệnh đái tháo đường



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIRY VIỆT NAM
NHÀ MÁY VITADAIRY BÌNH DƯƠNG

TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

SỐ: 31:2019/VITADAIRYBD

Tên sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng chuyên biệt cho người bệnh thận có Ure huyết tăng
Nepro 1 Gold

(Thuộc nhóm Thực phẩm dinh dưỡng y học)

1. Yêu cầu kỹ thuật

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

Trạng thái: Bột mịn, toi, không vón cục.

Màu sắc: Trắng đến vàng nhạt.

Mùi, vị: Mùi thơm của sữa, không có mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi vị lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị đắng, khét.

1.2. Các chỉ tiêu chất lượng:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị ghi nhãn trong 100g sản phẩm dạng bột	Tiêu chuẩn trong 100g sản phẩm dạng bột	Ghi chú
1.	Protein	g	10.5	> 7.35	
2.	Chất béo	g	17.5	> 12.25	
3.	PUFA	g	1.7	> 1.19	
4.	MUFA	g	5.6	> 3.92	
5.	Carbohydrate	g	60	> 42	
6.	Palatinose	g	15	> 10.5	
7.	Polyols	g	13.7	> 9.59	
8.	Fructose	g	0.5	> 0.35	
9.	FOS/Inulin	g	4	Dương tính	
10.	Lysine	mg	405	> 283.5	
11.	Natri	mg	138	> 96.6	
12.	Kali	mg	255	> 178.5	
13.	Canxi	mg	320	> 224	
14.	Photpho	mg	230	> 161	
15.	Magie	mg	80	> 56	
16.	Sắt	mg	7.6	> 5.32	
17.	Kẽm	mg	6	> 4.2	
18.	Đồng	µg	268	> 187.6	
19.	Iod	µg	33.7	> 23.59	
20.	Mangan	µg	20.2	> 14.14	
21.	Selen	µg	4.2	> 2.94	

22.	Vitamin A	IU	1039	> 727.3	
23.	Vitamin D3	IU	149	> 104.3	
24.	Vitamin E	mg	4.2	> 2.94	
25.	Vitamin C	mg	25	> 17.5	
26.	Vitamin B1	µg	688	> 481.6	
27.	Vitamin B2	µg	599	> 419.3	
28.	Vitamin B6	µg	520	> 364	
29.	Vitamin B12	µg	0.95	> 0.665	
30.	Axit Pantothenic	µg	700	> 490	
31.	Axit Folic	µg	99	> 69.3	
32.	Biotin	µg	23	> 16.1	
33.	Ăm	g		≤ 5	

2. Yêu cầu về an toàn

2.1. Chỉ tiêu vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴
2.	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10
3.	<i>E.Coli</i>	CFU/g	KPH
4.	<i>S.aureus</i>	CFU/g	3
5.	<i>Cl. Perfringens</i>	CFU/g	10
6.	<i>Salmonella</i>	CFU/25g	KPH
7.	<i>B.Cereus</i>	CFU/g	10

2.2. Hàm lượng kim loại nặng

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Cadimi	mg/kg	1
2.	Chì	mg/kg	3
3.	Thủy ngân	mg/kg	0.1
4.	Thiếc	mg/kg	250

2.3. Độ tổ vi nấm và các chất nhiễm bẩn

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2.	Aflatoxin tổng số	µg/kg	4
3.	Ochratoxin A	µg/kg	3
4.	Deoxynivalenol	µg/kg	750
5.	Zearalenone	µg/kg	75

3. Thành phần cấu tạo:

Đạm sữa, Soy protein, Dầu thực vật, Palatinose (Isomaltulose), Polyols, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Maltodextrin, Fructose, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Canxi, Magie, Sắt, Kẽm, Đồng, Iod, Mangan, Selen, Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B6, Vitamin B12, Axit Pantothenic, Axit Folic, Biotin), Hương sữa và hương vani tổng hợp dùng cho thực phẩm.

4. Thời hạn sử dụng

24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem dưới đáy lon/ trên bao bì.

5. Đối tượng sử dụng

Sản phẩm sử dụng cho người cần chế độ ăn Protein thấp, giảm Natri và giàu năng lượng; Người bệnh suy thận, người bệnh thận có Ure huyết tăng.

Sản phẩm dùng được cho người tiểu đường. Sản phẩm có hàm lượng Lactose thấp (<1%) nên có thể sử dụng cho người kém dung nạp Lactose.

Không sử dụng sản phẩm cho trẻ dưới 2 tuổi.

6. Hướng dẫn sử dụng

Pha 3 muỗng gạt **Nepro 1 Gold** (tương đương 28.8g) với 100ml nước chín ấm (50°C), khuấy đều sẽ được 1 ly khoảng 120ml cung cấp 120kcal.

Dùng 5-6 ly mỗi ngày hoặc theo hướng dẫn của cán bộ y tế. Dung dịch sau khi pha sử dụng hết trong vòng 3 giờ.

7. Bảo quản

Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon/ túi đã mở phải được đóng kín và sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

8. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Chất liệu bao bì:

Lon/ túi thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ y tế.

Quy cách đóng gói:

26g; 28.8g; 29g; 32g; 43g; 46g; 52g;
200g; 250g; 300g; 350g; 360g; 400g;
450g; 500g; 550g; 600g; 650g; 700g;
750g; 800g; 850g; 900g; 950g; 1kg.

9. Biện pháp phân biệt thật giả

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo của công ty và số đăng kí chất lượng.

10. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIRY VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Empire, số 26-28 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Sản xuất tại: NHÀ MÁY VITADAIRY BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô B-1B-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Chánh Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hà





PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03541.19



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIRY VIỆT NAM
Địa chỉ : TẦNG 9, TÒA NHÀ EMPIRE, SỐ 26-28 HÀM NGHI, PHƯỜNG BẾN NGHÉ, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH.
Tên mẫu : **NEPRO 1 GOLD**
Đặc điểm mẫu : NSX: 23/02/2019, HSD: 23/02/2021
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 túi x 100 g
Ngày nhận mẫu : 01/03/2019
Người gửi mẫu : Trần Thùy Linh (Mẫu gửi qua bưu điện)
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (b)	Không phát hiện MLOD = 0,020 mg/kg	07/03/2019
2	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.04/TT.AAS - Modify AOAC 971.21:2016 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,020 mg/kg	07/03/2019
3	Chì (Pb)	HD.PP.08/TT.AAS - Ref. AOAC 973.35 - 2016	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	07/03/2019
4	Thiếc (Sn)	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện MLOD = 2,00 mg/kg	07/03/2019
5	Aflatoxin B1	HD.PP.04/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	01/03/2019
6	Aflatoxin tổng (B1,B2,G1,G2)	HD.PP.04/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	01/03/2019
7	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	01/03/2019
8	Ochratoxin A	HD.PP.17-2/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	01/03/2019
9	Zearalenone	HD.PP.27/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 5 µg/kg	01/03/2019
10	Deoxynivalenol	HD.PP.27/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 55 µg/kg	01/03/2019
11	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	AOAC 966.23 - 2016 (b)	5,0 x 10 ¹ CFU /g	01/03/2019
12	Coliforms	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) (a)	< 10 CFU /g	01/03/2019

Mã số mẫu: 03541.19

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	<i>Escherichia coli</i>	AOAC 991.14 - 2016, TCVN 9975:2013 (b)	< 10 CFU /g	01/03/2019
14	<i>Bacillus cereus</i>	AOAC 980.31 - 2016 (b)	< 10 CFU /g	01/03/2019
15	<i>Clostridium perfringens</i>	AOAC 976.30 - 2016 (b)	< 10 CFU /g	01/03/2019
16	<i>Staphylococcus aureus</i>	AOAC 975.55 - 2016 (b)	< 10 CFU /g	01/03/2019
17	<i>Salmonella spp.</i>	AOAC 967.27 - 2016 (b)	Không phát hiện /25g	01/03/2019

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Mẫu đựng trong bao ép kín, không nhãn, NSX: 23/02/2019, HSD: 23/02/2021.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế, Bộ Công thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM**



Ths. Nguyễn Đức Thịnh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2019

VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Ths.Bs Phạm Kim Anh